

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC H
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 86/2024/HNGĐ-ST

Ngày 06 - 9 - 2024

“Về việc xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC H, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Tươi

Ông Hà Bảo Hiên

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Ngọc H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024. Về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị S (Nguyễn Thị Bé S), sinh năm 1988 (Có mặt)
Cư trú: khóm 8, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Nguyễn Cao S, sinh năm 1977 (Vắng mặt)
Cư trú: khóm 8, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 22/4/2024 và các lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị S (Nguyễn Thị Bé S) trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Cao S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau vào ngày 31/7/2026, hôn nhân giữa tôi và anh S là tự nguyện.

Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do: Vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng chung sống với nhau không hòa hợp, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay bản thân xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, hôn nhân không thể duy trì bền lâu được nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Cao S.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung Nguyễn Cao Kỳ Duyên, sinh ngày 07/01/2006 và Nguyễn Cao Kim Lân, sinh ngày 05/4/2007. Hiện nay con đang sống với tôi. Hiện nay Nguyễn Cao Kỳ Duyên đã trưởng thành nên không yêu cầu, đối với Nguyễn Cao Kim Lân còn nhỏ nên tôi yêu cầu được nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ thu và nợ trả: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Cao S, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho anh S biết về nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 22/4/2024 nhưng anh S không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập hợp lệ anh S để tham gia phiên hòa giải lần thứ hai nhưng anh S không đến và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị S. Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng anh S vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh S theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Nguyễn Cao S có nơi cư trú trên địa bàn huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc H theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Nguyễn Thị S (Nguyễn Thị Bé S) khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Cao S nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh S kết hôn ngày 31/7/2026 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Đối với anh S, Tòa án đã triệu tập xét

xử đến lần thứ hai nhưng anh S vắng mặt không lý do, đồng thời anh S cũng không có văn bản về ý kiến của mình gửi đến Tòa án chứng tỏ anh S đồng ý với yêu cầu của chị S. Hội đồng xét xử xét thấy, chị S và anh S đã ly thân từ năm 2022 đến nay thời gian dài nhưng anh S không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng để được đoàn tụ, chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị S được ly hôn với anh S là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung Nguyễn Cao Kỳ Duyên, sinh ngày 07/01/2006 và Nguyễn Cao Kim Lân, sinh ngày 05/4/2007. Hiện nay con đang sống với chị S, sau khi ly hôn chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Lân, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Theo lời trình bày và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thấy rằng điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo cuộc sống cho cháu Lân thì anh S có đủ điều kiện. Xét thấy, cháu Lân đã sống chung với chị S từ nhỏ, ổn định cuộc sống, tinh thần đồng thời phù hợp với đơn trình bày ngày 19/8/2024 thì cháu Lân có nguyện vọng muốn được ở với chị S. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục giao con cho chị S nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với anh S vẫn có quyền được thăm nom con mà không ai được phép ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị S và anh S không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị S trình bày vợ chồng không có tài sản chung, anh S không ý kiến gì nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản thì chị S và anh S có quyền khởi kiện thành vụ kiện chia tài sản sau ly hôn.

[5] Về nợ chung: Chị S trình bày vợ chồng không có nợ chung, anh S không ý kiến gì nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 243, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 09, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị S (Nguyễn Thị Bé S) được ly hôn với anh Nguyễn Cao S.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị S (Nguyễn Thị Bé S) được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Cao Kim Lâm, sinh ngày 05/4/2007. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Cao S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị S phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chị S có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0014975 ngày 23/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc H được chuyển thu.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, chị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc H;
- THADS huyện Ngọc H;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Minh Tính

